

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2022
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiên.
2. Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 105, ấp AH, xã TH, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đào Văn V, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Đào Văn V tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2013. Sau khi thành hôn, chị và anh V sinh sống cùng với gia đình anh V tại ấp AB, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau đó, anh chị đi làm và sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Từ năm 2016, anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh chị hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh V ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai

quan tâm đến ai, anh chị không gặp nhau nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh V.

Chị và anh V không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Văn V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh Phụng cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Đào Văn V có nơi cư trú tại ấp AB, xã AT, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đào Văn V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị T, anh Đào Văn V theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/01/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh chị thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng. Từ tháng 6/2016 đến nay, chị T và anh V ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh V không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị T, cũng như anh V không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh V về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đào Văn V.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn V không có con chung nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn V không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn V không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005772 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã AT;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân